

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN ĐỨC CƠ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 158/NQ - HĐND

Đức Cơ, ngày 21 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
thu, chi ngân sách địa phương năm 2023**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC CƠ
KHOÁ VII - KỲ HỌP THỨ CHÍN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ
Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số
163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ
Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch
tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025.*

*Căn cứ Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi,
nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách
địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 181/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phân bổ dự toán ngân sách địa phương
và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023
cho các huyện, thị xã, thành phố;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 220/TTr-UBND, ngày 06/12/2022 của Ủy ban
nhân dân huyện về việc phê duyệt dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
thu, chi ngân sách địa phương năm 2022; Báo cáo kết quả thẩm tra của Ban
Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu
Hội đồng nhân dân huyện tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi
ngân sách địa phương năm 2023, như sau:

A. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN: 567.209,0 triệu đồng. Trong đó:

- 1. Thu ngân sách Trung ương, Tỉnh hưởng: 45.530,0 triệu đồng**
 - Thu ngân sách trung ương hưởng: 3.170,0 triệu đồng
 - Thu ngân sách tỉnh hưởng: 42.360,0 triệu đồng
- 2. Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp: 125.350,0 triệu đồng** (*Tăng thu so với kế hoạch tỉnh giao 49.000 triệu đồng tiền sử dụng đất*).
 - Thu ngân sách huyện hưởng: 92.911,5 triệu đồng
 - Thu ngân sách xã, thị trấn hưởng: 32.438,5 triệu đồng
- 3. Thu bổ sung từ cấp trên: 396.329,0 triệu đồng**
 - Cân đối ngân sách huyện: 394.010,0 triệu đồng
 - Bổ sung có mục tiêu: 2.319,0 triệu đồng

B. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG :

- 1. Dự toán chi ngân sách địa phương tỉnh giao: 477.579,0 triệu đồng**
Trong đó:
 - Chi đầu tư phát triển: 63.654,0 triệu đồng
 - + *Chi xây dựng cơ bản tập trung:* 21.354,0 triệu đồng
 - + *Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất:* 42.300,0 triệu đồng
 - Chi thường xuyên: 403.208,0 triệu đồng
 - Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 1.212,0 triệu đồng
 - Dự phòng ngân sách: 9.505,0 triệu đồng
- 2. Dự toán chi ngân sách địa phương cân đối: 521.679,0 triệu đồng**
(*Tăng so với kế hoạch tỉnh giao 44.100 triệu đồng từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất*).

Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 109.254,0 triệu đồng
- + *Chi xây dựng cơ bản tập trung:* 21.354,0 triệu đồng
- + *Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất:* 86.400,0 triệu đồng
 - . *Ngân sách huyện chi:* 64.800,0 triệu đồng
 - . *Ngân sách xã, thị trấn chi:* 21.600,0 triệu đồng
- + *Chi cho vay tín dụng ưu đãi:* 1.500,0 triệu đồng
- Chi thường xuyên: 396.879,1 triệu đồng
 - . *Ngân sách huyện chi:* 328.147,7 triệu đồng
 - . *Ngân sách xã, thị trấn chi:* 68.731,4 triệu đồng
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 3.448,9 triệu đồng
- Dự phòng ngân sách : 12.097,0 triệu đồng
 - . *Ngân sách huyện chi:* 10.455,0 triệu đồng
 - . *Ngân sách xã, thị trấn chi:* 1.642,0 triệu đồng

(Cụ thể kèm theo các biểu mẫu 15, 16, 17)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện theo dõi, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khoá VII, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. *Th*

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Sở Tài chính;
- Thường trực HĐND, UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các ban, ngành đoàn thể huyện;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT - VP.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Cường



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: 158/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện Đức Phổ)

Biểu mẫu số 15

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	437.679,0	535.987,1	521.679,0	- 14.308,1	97,3
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	61.020,0	51.167,0	125.350,0	74.183,0	245,0
-	Thu NSDP hưởng 100%	9.300,0	9.885,0	12.305,0	2.420,0	124,5
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	51.720,0	41.282,0	113.045,0	71.763,0	273,8
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	376.659,0	449.162,6	396.329,0	- 52.833,6	88,2
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	375.103,0	375.102,8	394.010,0	18.907,2	105,0
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.556,0	74.059,8	2.319,0	- 71.740,8	3,1
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính		-		-	
IV	Thu kết dư		10.503,7		- 10.503,7	-
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		25.153,8		- 25.153,8	-
B	TỔNG CHI NSDP	437.679,0	501.888,2	521.679,0	19.790,8	103,9
I	Tổng chi cân đối NSDP	437.679,0	501.888,2	521.679,0	19.790,8	103,9
1	Chi đầu tư phát triển (1)	55.654,0	103.384,0	109.254,0	5.870,0	105,7
2	Chi thường xuyên	373.323,0	398.504,2	396.879,1	- 1.625,1	99,6
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)					
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)					
5	Dự phòng ngân sách	8.702,0		12.097,0	12.097,0	
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			3.448,9		

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
7	Chi quản lý qua ngân sách					
II	Chi các chương trình mục tiêu					
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)					
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP (2)					
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc					
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh					
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP (2)					
I	Vay để bù đắp bội chi					
II	Vay để trả nợ gốc					



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: 158/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện Đức Cơ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2022		Dự toán năm 2023		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	134.657,5	126.524,5	170.880,0	125.350,0	126,9	99,1
I	Thu nội địa	99.000,0	90.867,0	170.880,0	125.350,0	172,6	137,9
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	100,0	-	100,0	-	-	-
-	Thu tiền thuê đất		-	-	-	-	-
-	Thuế Giá trị gia tăng	100,0		100,0			
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	233,0	-	590,0	-	253,2	
-	Thuế Giá trị gia tăng	500,0	-	180,0		36,0	
-	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	70,0	-	100,0		142,9	
-	Thuế Tài nguyên	20,0		220,0			
-	Thuế thu nhập cá nhân	-					
-	Thu khác		-	90,0			
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh						
a	Thu từ các DN ngoài QĐ	12.755,0	12.755,0	14.670,0	14.600,0	115,0	114,5
-	Thuế Giá trị gia tăng	9.885,0	9.885,0	12.305,0	12.305,0	124,5	124,5
-	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.700,0	8.700,0	11.245,0	11.245,0	129,3	129,3
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	500,0	500,0	500,0	500,0	100,0	100,0
-	Thuế Tài nguyên	135,0	135,0	100,0	100,0	74,1	74,1
-	Thu khác	550,0	550,0	460,0	460,0	83,6	83,6
			-	-	-		

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2022			Dự toán năm 2023			So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP		Tổng thu NSNN	Thu NSDP		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2		3	4		5=3/1	6=4/2
b	Thu từ Hộ kinh doanh	2.870,0	2.870,0		2.365,0	2.295,0		82,4	80,0
-	Thuế Giá trị gia tăng	2.835,0	2.835,0		2.285,0	2.285,0		80,6	80,6
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	5,0	5,0		10,0	10,0		200,0	200,0
-	Thuế Tài nguyên	30,0	30,0		-	-		-	-
-	Thu khác				70,0	-			
5	Thuế thu nhập cá nhân	22.500,0	22.500,0		10.000,0	10.000,0		44,4	44,4
6	Thuế bảo vệ môi trường	-	-		-	-			
7	Lệ phí trước bạ	14.000,0	14.000,0		11.600,0	11.600,0		82,9	82,9
8	Thu phí, lệ phí	2.302,0	1.102,0		2.240,0	740,0		97,3	67,2
-	Phí và lệ phí trung ương	1.200,0			1.340,0			111,7	
-	Phí môn bài	561,0	561,0		470,0	470,0		83,8	83,8
-	Phí và lệ phí huyện	70,0	70,0					-	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản				160,0				
-	Phí và lệ phí xã, phường	471,0	471,0		270,0	270,0		57,3	57,3
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp								
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp								
11	Tiền cho thuê đất, thuế mặt nước	810,0	810,0		800,0	800,0		98,8	98,8
12	Thu tiền sử dụng đất	42.000,0	38.000,0		128.000,0	86.400,0		304,8	227,4
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước								
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết								
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản								
16	Thu khác ngân sách, thu QLQNS	4.300,0	1.700,0		2.880,0	1.210,0		67,0	71,2
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác								
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức								

ĐỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: 158/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện Đức Cơ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	437.679,0	521.679,0	84.000,0	119,2
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	437.679,0	521.679,0	84.000,0	119,2
I	Chi đầu tư phát triển	55.654,0	109.254,0	53.600,0	196,3
1	Chi đầu tư cho các dự án	55.654,0	109.254,0	53.600,0	196,3
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>			-	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	33.300,0	86.400,0	53.100,0	259,5
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi từ nguồn năm trước chuyển sang chuyển sang			-	
II	Chi thường xuyên	373.323,0	396.879,1	23.556,1	106,3
	<i>Trong đó:</i>			-	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	201.903,4	214.869,5	12.966,1	106,4
2	Chi khoa học và công nghệ	400,0	400,0	-	100,0
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
V	Dự phòng ngân sách	8.702,0	12.097,0	3.395,0	139,0
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		3.448,9		
VII	Chi quản lý qua ngân sách				
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU				
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				

